

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **120/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 13-11-2019
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trịnh Hữu Hiệp;**

Bà Lê Ngọc Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Nin - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Bích N, sinh năm: 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Anh Hình Văn T, sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 8 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Bích N trình bày:

Chị và anh Hình Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Cà Mau. Nhưng trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh T thường xuyên đánh đập chị, gia đình nhiều lần khuyên nhủ nhưng chồng chị không thay đổi. Do không thể tiếp tục chung sống với anh T nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở được khoảng 8 tháng đến nay. Chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn

hạnh phúc, đời sống vợ chồng không thể kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Hình Văn T.

Về con chung tên Hình Minh H, sinh năm 2018, hiện chung sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu.

- Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng ngày 10/10/2019 tại ấp 8, xã K, huyện U, tỉnh C. được trưởng ấp xác nhận: Mâu thuẫn giữa chị N và anh T địa phương không nắm vì không trình báo, chỉ có chị N có điện thoại cho ông trình báo về việc chị N về nhà chị N và anh T để lấy tài sản, ông có giải thích chỉ được lấy tài sản của chị N.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Việc tuân thủ tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân chị N và anh T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị N là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không hàn gắn được, chị N yêu cầu ly hôn là cơ sở. Về con chung, bà Đoàn đồng ý nuôi con, đồng ý anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 110, 116 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị N về ly hôn, giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Án phí đương sự phải chịu theo quy định.

- Bị đơn anh Hình Văn T vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp theo yêu cầu của chị Phan Bích N được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Hình Văn T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện M triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Hình Văn T.

[2] Về nội dung: Chị Phan Bích N và anh Hình Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của chị Phan Bích N và anh Hình Văn T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống giữa vợ chồng chị Phan Bích N và anh Hình Văn T xảy ra mâu thuẫn nhưng không hòa giải với nhau được, chị N cho rằng anh T có hành vi đánh chị, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2018. Đối với yêu cầu của chị Phan Bích N, anh Hình Văn T không có ý kiến.

Theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình quy định vợ chồng phải **có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình ...** và cùng chung sống với nhau ... Tại phiên tòa, chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng **với anh T và vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Hình Văn T, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Bích N.**

Về con chung: **Tên Hình Minh H, sinh ngày 15/01/2018, hiện do chị N nuôi dưỡng. Tính đến thời điểm xét xử, con chung chưa được 36 tháng tuổi và hiện do chị N nuôi con, anh T không có ý kiến về con chung nên áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân gia đình giao con chung tên Hình Minh H, sinh ngày 15/01/2018 cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Hình Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở.**

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định. Xét thấy, anh T không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị N xác định anh T làm nghề nông nghiệp, nuôi tôm mức thu nhập không xác định nên lấy mức thu nhập bình quân lao động buộc anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày chị N yêu cầu thi hành án, anh T chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Bích N xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Bích N phải chịu 300.000 đồng. Anh Hình Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 **Điều 227;** Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Bích N được ly hôn với anh Hình Văn T.

- Con chung: Giao con chung tên **Hình Minh H, sinh ngày 15/01/2018** cho chị Phan Bích N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Hình Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh Hình Văn T cấp dưỡng nuôi con chung tên **Hình Minh H, sinh ngày 15/01/2018 cho chị Phan Bích N mỗi tháng 750.000 (Bảy trăm năm mươi ngàn) đồng. Cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.**

Kể từ ngày chị N yêu cầu thi hành án, anh T chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trên thì còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Bích N xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm chị Phan Bích N phải nộp 300.000 đồng, chị Phan Bích N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0004534 ngày 12/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí, chị Phan Bích N đã nộp xong.

Anh Hình Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THA DS huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Nơi thực hiện đăng ký kết t hôn.
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Việt Hằng